

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ
tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06
năm 2011**



Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thông tin về Công ty

Quyết định số 2405/QĐ-CT.UB , **ngày** 5 tháng 8 năm 2004

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

Giấy phép Kinh doanh Số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy phép Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 1800156801 được cấp ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Hội đồng Quản trị	Bà Phạm Thị Việt Nga Bà Lê Minh Hồng Ông Lê Chánh Đạo Ông Đoàn Đình Duy Khương Bà Nguyễn Thị Hồng Loan Ông Nguyễn Như Song Ông Lê Đình Bửu Trí Ông Nguyễn Sĩ Trung Kỳ	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Bà Phạm Thị Việt Nga Bà Lê Minh Hồng Ông Lê Chánh Đạo	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Ánh Như Ông Trần Quốc Hưng Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ Việt Nam	



Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.625.298.568.547	1.442.034.118.769
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	653.365.374.413	642.519.118.992
Tiền	111		293.786.578.697	286.505.741.815
Các khoản tương đương tiền	112		359.578.795.716	356.013.377.177
Đầu tư ngắn hạn	120		-	
Các khoản phải thu	130	4	442.889.132.897	446.197.923.622
Phải thu thương mại	131		279.721.465.589	306.719.736.511
Trả trước cho người bán	132		80.233.587.706	28.193.510.841
Các khoản phải thu khác	135		89.395.020.686	117.510.052.422
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(6.460.941.084)	(6.225.376.152)
Hàng tồn kho	140	5	514.790.651.673	347.099.608.749
Hàng tồn kho	141		517.816.508.428	350.125.465.504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.025.856.755)	(3.025.856.755)
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.253.409.564	6.217.467.406
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.322.997.583	1.283.164.897
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		42.582.965	408.648
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		4.193.929.879	439.785.275
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.693.899.137	4.494.108.586

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tài sản dài hạn	200		437.488.371.021	377.700.975.901
Tài sản cố định	220		365.188.490.445	303.438.987.167
Tài sản cố định hữu hình	221	6	220.677.620.720	167.840.794.676
Nguyên giá	222		380.932.516.976	310.198.804.023
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.254.896.256)	(142.358.009.347)
Tài sản cố định vô hình	227	7	133.426.149.295	127.878.195.760
Nguyên giá	228		138.183.468.780	131.894.976.812
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.757.319.485)	(4.016.781.052)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	11.084.720.430	7.719.996.731
Bất động sản đầu tư	240	9	6.139.713.513	6.456.882.120
Nguyên giá	241		7.790.891.262	7.784.646.717
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.651.177.749)	(1.327.764.597)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	37.914.942.376	39.979.249.420
Đầu tư vào công ty liên kết	252		30.527.773.625	32.592.080.669
Đầu tư dài hạn khác	258		11.901.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.513.881.449)	(4.513.881.449)
Tài sản dài hạn khác	260		28.245.224.687	27.825.857.194
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	22.256.114.608	22.430.416.454
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29	3.787.468.740	3.785.465.288
Tài sản dài hạn khác	268		2.201.641.339	1.609.975.452
TỔNG TÀI SẢN	270		2.062.786.939.568	1.819.735.094.670

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		815.680.261.113	530.696.724.099
Nợ ngắn hạn	310		755.585.715.032	471.555.878.347
Vay ngắn hạn	311	12	16.194.181.311	12.802.412.973
Phải trả thương mại	312	13	127.087.232.034	86.290.700.781
Người mua trả tiền trước	313		523.748.090	1.413.080.380
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	14	23.875.693.458	40.019.223.841
Phải trả người lao động	315		72.927.351.077	100.633.206.342
Chi phí phải trả	316	15	211.369.257.997	168.781.105.434
Các khoản phải trả phải nộp khác	319		234.691.186.820	32.127.453.214
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	68.917.064.245	29.488.695.382
Nợ dài hạn	330		60.094.546.081	59.140.845.752
Doanh thu chưa thực hiện	333		119.417.273	119.417.273
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	335			
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	17	22.853.202.532	21.163.637.977
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	18	37.121.926.276	37.857.790.502
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.238.519.191.732	1.280.322.125.140
Vốn chủ sở hữu	410		1.238.519.191.732	1.280.322.125.140
Vốn cổ phần	411	19	271.629.620.000	269.129.620.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		378.761.392.824	378.761.392.824
Cổ phiếu quỹ	414	19	(455.850.000)	(455.850.000)
Quỹ đầu tư phát triển	416		287.755.832.660	204.329.442.743
Quỹ dự phòng tài chính	418		66.541.621.663	64.215.412.933
Lợi nhuận chưa phân phối	420		234.286.574.585	364.342.106.640
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	410	20	8.587.486.723	8.716.245.431
TỔNG NGUỒN VỐN			2.062.786.939.568	1.819.735.094.670

Người lập:

Đặng Phạm Huyền Nhung
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Lê Chánh Đạo
 Phó Tổng Giám đốc

ngày 25 tháng 7 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 06 năm 2011

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
Tổng doanh thu	01	21	587.945.285.785	451.322.068.107	1.170.256.864.979	865.693.374.580
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	(4.178.250.971)	(1.949.082.103)	(7.178.029.041)	(10.877.929.220)
Doanh thu thuần	10	21	583.767.034.814	449.372.986.004	1.163.078.835.938	854.815.445.360
Giá vốn hàng bán	11	22	(297.982.570.181)	(224.599.087.311)	(599.432.039.423)	(435.988.822.375)
Lợi nhuận gộp	20		285.784.464.633	224.773.898.693	563.646.796.515	418.826.622.985
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	14.128.577.291	13.017.853.455	26.743.473.775	20.301.850.870
Chi phí tài chính	22	24	(1.668.520.213)	(433.518.701)	(3.062.915.164)	(1.726.568.293)
Lãi tiền vay	23		(563.777.113)	137.304.231	(887.149.880)	(1.035.496.985)
Chi phí bán hàng	24	25	(118.600.778.815)	(88.036.091.225)	(264.043.813.542)	(182.152.408.240)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	(42.633.721.667)	(38.398.862.367)	(84.597.843.826)	(62.795.593.137)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		137.010.021.229	110.923.279.855	238.685.697.758	192.453.904.185
Kết quả từ các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	27	1.281.603.063	515.557.401	2.268.906.610	2.237.273.344
Chi phí khác	32	28	(1.567.666.450)	(1.208.144.151)	(2.678.562.992)	(2.259.479.995)
			0			
Lãi/Lỗ từ công ty liên kết	30	10	1.164.307.044	(2.697.366.615)	864.307.044	(2.668.394.601)
Lợi nhuận trước thuế	50		137.888.264.886	107.533.326.490	239.140.348.420	189.763.302.933

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2011 VND	30/6/2010 VND	30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	50		137.888.264.886	107.533.326.490	239.140.348.420	189.763.302.933
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	29	(16.717.339.209)	(13.118.857.490)	(30.191.211.627)	(22.576.129.282)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52	29	(292.355.509)	(25.215.004)	61.650.850	(4.580.951)
Lợi nhuận thuần	60		120.878.570.168	94.389.253.996	209.010.787.643	167.182.592.700
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61	20	537.870.709	1.003.611.876	911.685.086	1.428.624.680
Chủ sở hữu của Công ty	62		120.340.699.459	93.385.642.120	208.099.102.557	165.753.968.020
Lợi nhuận thuần	60		120.878.570.168	94.389.253.996	209.010.787.643	167.182.592.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.463	3.504	7.718	6.219

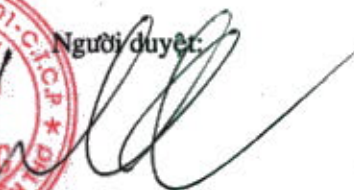
Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 25 tháng 7 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	266.629.620.000	378.761.392.824	(410.400.000)	4.658.004.486	29.744.900.881	330.992.386.888	1.010.375.905.079
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(97.650.000)	-	-	-	(97.650.000)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành	-	-	91.350.000	-	-	-	91.350.000
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	199.671.438.257	34.470.512.052	(234.141.950.309)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(35.018.979.713)	(35.018.979.713)
Phí cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(11.771.257.904)	(11.771.257.904)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	165.753.968.020	165.753.968.020
Cổ tức	-	-	-	-	-	(39.977.508.000)	(39.977.508.000)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010	266.629.620.000	378.761.392.824	(416.700.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	175.836.658.982	1.089.355.827.482
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(39.150.000)	-	-	-	(39.150.000)
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(336.164.399)	(336.164.399)
Phí cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	336.164.408	336.164.408
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	215.408.279.649	215.408.279.649
Cổ tức	-	-	-	-	-	(26.902.832.000)	(26.902.832.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	364.342.106.640	1.280.322.125.140

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

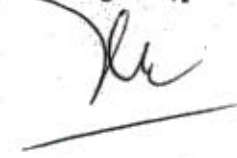


Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	364.342.106.640	1.280.322.125.140
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000						
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	83.426.389.917	2.326.208.730	(85.752.598.647)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(45.937.137.075)	(45.937.137.075)
Phí cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(10.199.508.490)	(10.199.508.490)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(196.265.390.400)	(196.265.390.400)
Cổ tức (thuyết minh 31)	-	-	-	-	-	207.948.582.557	207.948.582.557
Số dư ngày 30 tháng 06 năm 2011	271.629.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	287.755.832.660	66.541.621.663	234.136.054.585	1.238.368.671.732

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 25 tháng 7 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06
năm 2011

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		239.140.348.420	189.763.302.933
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		22.513.480.441	19.210.384.673
Các khoản dự phòng	03		1.925.129.487	(582.834.197)
Lãi thanh lý tài sản	05		(387.497.170)	(547.096.496)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	06		(24.156.464.195)	(18.380.689.478)
Chi phí lãi vay	07		887.149.880	1.035.496.985
Lỗ từ công ty liên kết	08		(946.692.690)	2.668.394.601
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	09		238.975.454.173	193.166.959.021
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	10		48.331.857.180	(34.926.207.419)
Biến động hàng tồn kho	11		(167.691.042.924)	(81.865.809.710)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	12		243.232.170.477	(20.507.029.724)
Biến động chi phí trả trước	13		(1.865.530.840)	(3.029.723.887)
			360.982.908.066	52.838.188.281
Tiền lãi vay đã trả	14		(965.125.028)	(1.432.032.958)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.074.056.622)	(30.775.090.763)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(17.444.140.928)	(4.330.071.245)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		310.499.585.488	16.300.993.315

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06
năm 2011 (tiếp theo)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2011	30/6/2010
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(136.682.885.269)	(40.823.772.246)
Tiền thu từ điều chỉnh giá mua quyền sử dụng đất	22	-	5.364.173.499
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.084.490.462	1.422.902.978
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	23	-	(6.704.443.165)
Tiền cho vay thu về từ các đơn vị khác	24	-	-
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	25	-	6.037.166.667
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	26	-	(13.615.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	27	3.010.999.734	157.550.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	28	24.348.130.862	21.408.897.600
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(108.239.264.211)	(26.752.524.667)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	2.500.000.000	91.350.000
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(97.650.000)
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	10.926.263.774	23.106.560.177
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.534.495.436)	(76.742.422.035)
Tiền trả cổ tức	35	(197.305.834.194)	(39.977.176.046)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính	40	(191.414.065.856)	(93.619.337.904)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06
năm 2011 (tiếp theo)

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.846.255.421	(104.070.869.256)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		642.519.118.992	584.128.534.956
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	653.365.374.413	480.057.665.700

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 25 tháng 7 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dược hậu Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004, giấy phép được cấp lại nhiều lần, lần sau cùng tính đến thời điểm báo cáo là vào ngày 21 tháng 04 năm 2011 số 1800156801. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/06/2011	31/12/2010
Công ty con				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hóa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/06/2011	31/12/2010
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; in xuất bản ấn phẩm	Số 5704000183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 Tập đoàn có 2.608 nhân viên (30/06/2010: 2.231 nhân viên).

0016
CÔNG
CƠ P
DU
HẬU
TH KIE

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng một cách nhất quán.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lãi chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

(iv) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phản ánh phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 5 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

(c) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKT 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu giá thị trường của các khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư chịu lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 5 đến 16 năm.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Nâng cấp tài sản thuê

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Phân bổ được trích lập mỗi năm cho các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(s) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được ghi vào nguyên giá của tài sản cố định này.

(v) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

(w) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	34.405.180.329	39.653.513.720
Tiền gửi ngân hàng	259.381.398.368	246.852.228.095
Tiền đang chuyển	467.916.865	-
Các khoản tương đương tiền	359.110.878.851	356.013.377.177
	653.365.374.413	642.519.118.992

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 13.561 triệu VNĐ (30/06/2010: 25.268 triệu VNĐ).

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại bao gồm:

	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải thu từ các công ty liên kết	356.765.200	736.208.259
Phải thu từ các bên thứ ba	279.364.700.389	305.983.528.252
	279.721.465.589	306.719.736.511

Các khoản phải thu không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là khoản trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

Phải thu khác bao gồm:

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí hoa hồng trả trước	75.435.257.836	77.087.927.595
Thu nhập tiền lãi phải thu	191.666.667	1.092.298.387
Các khoản cho vay (*)	1.512.517.969	7.081.051.026
Phải thu từ công nhân viên	640.065.648	12.499.149.208
Phải thu từ việc hủy hợp đồng thuê đất	6.000.000.000	13.848.944.240
Phải thu khác	5.615.512.566	5.900.681.966
	89.395.020.686	117.510.052.422

(*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết và các bệnh viện vay với kỳ hạn dưới một năm, không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 8,4% đến 10,5% trong năm.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Số dư đầu năm	6.225.376.152	3.437.575.954
Tăng dự phòng trong kỳ	235.564.932	1.296.022.514
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	6.460.941.084	4.733.598.468

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06
năm 2011 (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	94.914.283.605	50.952.551.152
Nguyên vật liệu	158.843.043.851	130.967.195.036
Sản phẩm dở dang	42.454.656.573	39.156.811.367
Thành phẩm	211.324.180.650	101.410.778.366
Hàng hóa	8.966.335.656	24.076.160.744
Hàng gửi đi bán	1.314.008.093	3.561.968.839
	517.816.508.428	350.125.465.504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.025.856.755)	(3.025.856.755)
	514.790.651.673	347.099.608.749

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Số dư đầu năm	3.025.856.755	4.844.824.822
Tăng dự phòng trong kỳ		-
Sử dụng dự phòng trong kỳ		(1.878.856.711)
Số dư cuối kỳ	3.025.856.755	2.965.968.111

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	72.184.355.852	133.385.719.347	63.068.489.172	41.560.239.652	310.198.804.023
Tăng trong kỳ	133.386.363	13.875.846.357	4.579.556.718	6.368.543.708	24.957.333.146
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	18.275.733.052	19.969.775.420	10.028.300.617	1.752.205.957	50.026.015.046
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý	(94.652.940)	(1.210.082.622)	(2.359.003.999)	(585.895.678)	(4.249.635.239)
Số dư cuối kỳ	90.498.822.327	166.021.258.502	75.317.342.508	49.095.093.639	380.932.516.976
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.033.555.433	75.249.594.229	23.077.226.666	24.997.633.019	142.358.009.347
Khấu hao trong kỳ	3.034.164.992	10.123.845.994	5.424.556.370	2.866.961.500	21.449.528.856
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý	(114.072.683)	(1.236.909.352)	(1.612.687.483)	(588.972.429)	(3.552.641.947)
Số dư cuối kỳ	21.953.647.742	84.136.530.871	26.889.095.553	27.275.622.090	160.254.896.256
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	53.150.800.419	58.136.125.118	39.991.262.506	16.562.606.633	167.840.794.676
Số dư cuối kỳ	68.545.174.585	81.884.727.631	48.428.246.955	21.819.471.549	220.677.620.720

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 42.593 triệu VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 (31/12/2010: 38.101 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng đất có thời hạn VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	78.385.513.595	50.054.670.807	3.454.792.410	131.894.976.812
Tăng trong kỳ	3.748.250.000	2.540.241.968	-	6.288.491.968
Điều chỉnh giá mua	-	-	-	-
Xóa sổ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	82.133.763.595	52.594.912.775	3.454.792.410	138.183.468.780
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	2.924.199.102	1.092.581.950	4.016.781.052
Khấu hao trong kỳ	-	545.737.999	194.800.434	740.538.433
Số dư cuối kỳ	-	3.469.937.101	1.287.382.384	4.757.319.485
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	78.385.513.595	47.130.471.705	2.362.210.460	127.878.195.760
Số dư cuối kỳ	82.133.763.595	49.124.975.674	2.167.410.026	133.426.149.295

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Số dư đầu năm	7.719.996.731	5.262.347.125
Tăng trong kỳ	61.451.636.061	15.488.220.048
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(56.554.243.249)	(17.074.043.720)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.244.545)	-
Thanh lý	(1.526.424.568)	-
Số dư cuối kỳ	11.084.720.430	3.676.523.453

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số đầu năm	7.784.646.717
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.244.545
Số dư cuối kỳ	<u>7.790.891.262</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	1.327.764.597
Khấu hao trong kỳ	323.413.152
Số dư cuối kỳ	<u>1.651.177.749</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	6.456.882.120
Số dư cuối kỳ	<u>6.139.713.513</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định vì không có giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự trong cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	4.138.773.359	4.138.773.359
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG	10.489.000.266	11.953.307.310
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	15.900.000.000	16.500.000.000
	30.527.773.625	32.592.080.669
Đầu tư dài hạn khác		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa - Vũng Tàu	70.000.000	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	11.901.050.200	11.901.050.200

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 VND
Số dư đầu kỳ	32.592.080.669	23.868.187.384
Đầu tư mới trong kỳ	-	13.615.000.000
Thanh lý đầu tư trong kỳ	(3.010.999.734)	(157.550.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ được chia từ công ty liên kết	56.207.218	1.449.481
Phân bổ lợi thế thương mại	890.485.472	(2.669.844.082)
Cổ tức	-	(300.000.000)
Số dư cuối kỳ	30.527.773.625	34.357.242.783

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06
năm 2011 (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/06/2011	31/12/2010
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisu	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm dưới dạng viên nang mềm	Số 3700634575 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 1 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)****11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Nâng cấp tài sản thuê VNĐ	Chi phí đất trả trước VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	2.247.686.519	20.182.729.935	22.430.416.454
Tăng trong kỳ	635.933.750	-	635.933.750
Phân bổ trong kỳ	(549.981.812)	(260.253.784)	(810.235.596)
Số dư cuối kỳ	2.333.638.457	19.922.476.151	22.256.114.608

12. Vay ngắn hạn

	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Khoản vay từ nhân viên của Tập đoàn (*)	16.194.181.311	12.802.412.973
	16.194.181.311	12.802.412.973

(*) Các khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất tháng từ 1,1% đến 1,15% trong năm (2010: từ 0,55% đến 1,15%).

13. Phải trả thương mại

	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải trả các công ty liên kết	2.682.823.414	2.682.823.414
Phải trả các bên thứ ba	124.404.408.620	83.607.877.367
	127.087.232.034	86.290.700.781

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

Chi tiết từng khoản thuế như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.808.406.800	9.873.507.695	(14.787.410.313)	(2.105.495.818)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	18.488.103.683	(18.488.103.683)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(110.460.634)	5.724.891.595	(6.445.245.508)	(830.814.547)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.645.722.832	30.272.926.971	(32.074.056.622)	16.844.593.181
Thuế thu nhập cá nhân	18.212.761.047	16.141.867.889	(29.734.901.131)	4.619.727.805
Thuê đất	-	2.242.729.278	(1.131.559.285)	1.111.169.993
Thuế khác	22.599.873	70.000.000	(92.599.873)	-
Cộng	39.579.029.918	82.814.027.111	(102.753.876.415)	19.639.180.614

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)****15. Chi phí phải trả**

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Giảm giá hàng bán	94.887.023.850	90.204.223.053
Chi phí khuyến mại	55.509.781.605	48.374.527.539
Chi phí hội thảo	34.915.431.458	16.328.505.475
Chi phí quảng cáo	7.589.216.943	3.406.570.664
Lãi vay phải trả	244.261.401	322.236.549
Các chi phí phải trả khác	18.223.542.740	10.145.042.154
	211.369.257.997	168.781.105.434

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng việc phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Đại hội Cổ đông của Tập đoàn.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ VND	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, BĐH VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	25.010.163.988		4.478.531.394	29.488.695.382
Phân bổ cho quỹ	46.154.435.742	3.818.789.972	10.287.653.618	60.260.879.332
Sử dụng quỹ	(17.798.867.596)	-	(3.033.642.873)	(20.832.510.469)
Số dư cuối kỳ	53.365.732.134	3.818.789.972	11.732.542.139	68.917.064.245

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VNĐ
Số dư đầu năm	21.163.637.977
Trích lập dự phòng trong kỳ	3.944.038.155
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(2.254.473.600)
Số dư cuối kỳ	<u>22.853.202.532</u>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011, Tập đoàn đã đóng 2% lương cơ bản, tương đương 836 triệu VNĐ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 583 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp, trong đó 1% thu từ lương cơ bản của CBNV, 1% được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Dự phòng được tính là chi phí. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu năm	37.857.790.502
Sử dụng quỹ trong kỳ	(735.864.226)
Số dư cuối kỳ	37.121.926.276

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	27.162.962	271.629.620.000	26.912.962	269.129.620.000
Cổ phiếu quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(10.130)	(455.850.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	27.152.832	271.173.770.000	26.902.832	268.673.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/06/2011		Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/06/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	26.902.832	268.673.770.000	26.653.842	266.219.220.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	250.000	2.500.000.000	-	-
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	-	-	(2.170)	(97.650.000)
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	2.030	91.350.000
Cổ phiếu quỹ phát hành lại	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	27.152.832	271.173.770.000	26.653.702	266.212.920.000

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

20. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 VND
Số dư đầu năm	8.716.245.431	7.780.847.035
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong kỳ	911.685.086	1.428.624.680
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	(217.298.666)	(790.438.688)
Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị tính cho cổ đông thiểu số	(88.145.128)	(447.149.578)
Cổ tức nhận được	(735.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	8.587.486.723	7.971.883.449

21. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2011 30/6/2010 VND VND		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 30/6/2010 VND VND	
Tổng doanh thu				
▪ Thành phẩm đã bán	548.890.726.374	372.685.362.077	1.087.814.740.050	747.787.018.060
▪ Hàng hóa đã bán	25.190.978.965	75.560.971.556	45.394.170.259	89.402.814.641
▪ Hàng khác	13.863.580.446	3.075.734.474	37.047.954.670	28.503.541.879
	587.945.285.785	451.322.068.107	1.170.256.864.979	865.693.374.580
Các khoản giảm trừ				
▪ Giảm giá hàng bán	-	-	-	-
▪ Chiết khấu thương mại	(62.271.252)	(604.071)	(73.071.128)	(14.571.533)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.115.979.719)	(1.948.478.032)	(7.104.957.913)	(10.863.357.687)
	(4.178.250.971)	(1.949.082.103)	(7.178.029.041)	(10.877.929.220)
Doanh thu thuần	583.767.034.813	449.372.986.004	1.163.078.835.938	854.815.445.360
Trong đó				
▪ Thành phẩm đã bán	544.903.299.351	370.736.279.974	1.080.827.534.958	736.909.088.840
▪ Hàng hóa đã bán	25.000.155.016	75.560.971.556	45.203.346.310	89.402.814.641
▪ Hàng khác	13.863.580.446	3.075.734.474	37.047.954.670	28.503.541.879

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06
năm 2011 (tiếp theo)

22. Giá vốn hàng bán

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2011		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	
	VND	VND	VND	VND
Thành phẩm đã bán	264.368.392.316	177.387.010.105	524.210.238.869	351.694.531.546
Hàng hóa đã bán	27.091.932.159	32.589.602.392	44.541.230.126	44.279.411.082
Hàng khác	6.522.245.706	14.622.474.814	30.680.570.428	40.014.879.747
	<u>297.982.570.181</u>	<u>224.599.087.311</u>	<u>599.432.039.423</u>	<u>435.988.822.375</u>

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2011		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	
	VND	VND	VND	VND
Thu lãi tiền gửi	13.003.746.948	12.244.989.299	23.247.835.564	18.108.225.778
Cổ tức	1.021.995.298	180.328.900	1.100.295.298	272.463.700
Lãi chênh lệch tỷ giá	102.835.045	592.535.256	2.395.342.913	1.921.161.392
	<u>14.128.577.291</u>	<u>13.017.853.455</u>	<u>26.743.473.775</u>	<u>20.301.850.870</u>

24. Chi phí tài chính

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2011		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí lãi vay	563.777.113		887.149.880	1.035.496.985
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.058.687.754	433.518.701	2.091.638.117	644.067.775
Chi phí tài chính khác	46.055.346		84.127.167	47.003.533
	<u>1.668.520.213</u>	<u>433.518.701</u>	<u>3.062.915.164</u>	<u>1.726.568.293</u>

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)****25. Chi phí bán hàng**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2011		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	69.536.613.193	68.237.158.420	137.338.383.522	129.295.119.943
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.407.808.412	1.834.623.359	4.261.262.192	3.276.005.035
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.330.128.435	635.323.636	2.230.225.485	1.294.112.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.454.774.151	1.840.806.299	4.603.069.761	3.635.491.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.891.524.349	9.876.517.298	97.785.235.819	25.176.241.028
Chi phí bằng tiền khác	(13.020.069.725)	5.611.662.213	17.825.636.763	19.475.438.050
	118.600.778.815	88.036.091.225	264.043.813.542	182.152.408.240

26. Chi phí quản lý

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2011		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	31.602.081.185	25.321.671.388	62.031.342.981	43.000.572.944
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.615.660	168.767.464	239.974.209	199.093.689
Chi phí dụng cụ đồ dùng	894.279.097	957.968.569	1.722.718.383	1.737.591.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.075.440.592	1.204.150.149	4.176.094.931	2.103.335.203
Thuế, phí và lệ phí	419.233.111	98.271.460	666.318.463	232.714.930
Chi phí dự phòng	2.159.866.384	706.785.227	4.179.603.086	713.666.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.777.917.216	2.414.898.287	4.849.756.902	3.944.468.193
Chi phí bằng tiền khác	2.548.288.422	7.526.349.823	6.732.034.871	10.864.150.322
	42.633.721.667	38.398.862.367	84.597.843.826	62.795.593.137

27. Thu nhập khác

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2011		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	
	VND	VND	VND	VND
Thu nhập từ bán phế liệu	251.019.392	112.216.755	521.469.937	282.710.479
Thu từ thanh lý tài sản cố định	717.263.189	1.045.937.319	1.084.490.462	1.422.902.978
Thu nhập khác	313.320.482	(642.596.673)	662.946.211	531.659.887
	1.281.603.063	515.557.401	2.268.906.610	2.237.273.344

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06
năm 2011 (tiếp theo)

28. Chi phí khác

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	
	30/6/2011 VND	30/6/2010 VND	30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	515.513.604	468.576.853	750.270.241	875.806.482
Chi phí khác	1.052.152.846	739.567.298	1.928.292.751	1.383.673.513
	<u>1.567.666.450</u>	<u>1.208.144.151</u>	<u>2.678.562.992</u>	<u>2.259.479.995</u>

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Các khoản dự phòng	2.063.574.358	2.063.574.358
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.723.894.382	1.721.890.930
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>3.787.468.740</u>	<u>3.785.465.288</u>
Nợ thuế thu nhập hoãn lại		
Lợi nhuận chưa thực hiện		-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	<u>3.787.468.740</u>	<u>3.785.465.288</u>

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	
	30/6/2011 VND	30/6/2010 VND	30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.717.339.209	13.118.857.490	30.191.211.627	22.576.129.282
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	292.355.509	25.215.004	(61.650.850)	4.580.951
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>17.009.694.718</u>	<u>13.144.072.494</u>	<u>30.129.560.777</u>	<u>22.580.710.233</u>

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2013 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, do vậy Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm sau khi kết thúc thời gian miễn, giảm ở trên.

Các công ty con

Ngoại trừ Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT, Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST và Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu, các công ty khác trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG (“DHGpp”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, In Bao bì DHG có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của In Bao bì DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2012.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT (“HT Pharma”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược phẩm HT có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược phẩm HT cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2016.

Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG (“DHG Nature”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, DHG Nature có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược liệu DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2013.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST (“ST Pharma”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược phẩm ST có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược phẩm ST cho phép Công ty được miễn

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2014.

Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu ("SH Pharma")

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược Sông Hậu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2008 đến năm 2019 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược Sông Hậu cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2010 đến năm 2014.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 25%.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010	30/6/2011	30/6/2010
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	120.340.699.459	93.385.642.120	208.099.102.557	165.753.968.020

(ii) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010	30/6/2011	30/6/2010
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	26.902.832	26.651.672	26.902.832	26.653.842
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 3 năm 2010		-		(1.338)
Ảnh hưởng của cổ phiếu tái phát hành tháng 6 năm 2010		654		327
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 4 năm 2011	61.644		61.644	
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ	26.964.476	26.652.326	26.964.476	26.652.831

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

31. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 ngày 29 tháng 04 năm 2010 quyết định chia cổ tức năm 2010 là 40%, đã thực hiện tạm ứng đợt 1/2010, giá trị 26.902.832.000 đồng (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 4 tháng 10 năm 2010) và tiếp tục chia 30% cổ tức còn lại sau khi phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1.4, giá trị tạm tính 195.500.390.400 đồng.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các nhân sự điều hành.

Giao dịch với các công ty liên kết

Ngoài số dư với các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên kết:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua nguyên vật liệu	410.535.500	563.030.000
Thu nhập cổ tức	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo		
Mua nguyên vật liệu	5.395.000.000	3.599.000.000
Thu nhập cổ tức	150.520.000	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Medisun		
Bán nguyên vật liệu	4.341.600.547	1.223.170.000
Phí gia công	310.684.733	2.038.731.212
Thu nhập cổ tức	-	300.000.000

Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VND	VND
Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát	3.307.385.958	2.056.505.232
	3.307.385.958	2.056.505.232

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

33. Cam kết**Mua sắm tài sản**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	623.224.845.434	338.828.702.009
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	56.351.141.008
	<u>623.224.845.434</u>	<u>395.179.843.017</u>

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	591.857.334.735	407.522.560.054
Chi phí nhân công và nhân viên	278.736.651.859	225.596.091.690
Chi phí khấu hao và phân bổ	22.341.933.108	19.210.384.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.861.067.749	64.023.192.815
Các chi phí khác	38.391.291.431	26.187.941.335
	<u>1.074.188.278.882</u>	<u>742.540.170.567</u>

35. Số liệu điều chỉnh

Điều chỉnh phân loại lại chi tiết Tài sản cố định vô hình

	30/6/2011	Số đầu năm
	VND	VND
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	78.385.513.595	53.466.870.046
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50.054.670.807	74.973.314.356
	<u>128.440.184.402</u>	<u>128.440.184.402</u>

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

36. Giải trình

Biến động doanh thu và lợi nhuận

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Tỷ lệ tăng/giảm	
	30/06/2011	30/06/2010	30/06/2011	30/06/2010	Quý	6 tháng
	VND					
Doanh thu thuần	583.767.034.814	449.372.986.004	1.163.078.835.938	854.815.445.360	29,91%	36,06%
Lợi nhuận trước thuế	137.888.264.886	107.533.326.490	239.140.348.420	189.763.302.933	28,23%	26,02%
Lợi nhuận sau thuế	120.340.699.460	93.385.642.120	208.099.102.557	165.753.968.020	28,86%	25,55%

Tất cả các chỉ tiêu đều tăng so với cùng kỳ thực hiện, nguyên nhân tăng:

- Đảm bảo thực hiện theo kế hoạch từ đầu năm 2011, chỉ tiêu doanh thu là 2.240 tỷ, lợi nhuận trước thuế là 380 tỷ. So với kế hoạch, doanh thu 6 tháng đầu năm đạt 51,92%, lợi nhuận trước thuế đạt 54,73%.
- Đầu tư của nhãn hàng bằng nhiều hình thức như: chương trình khuyến mãi cộng thêm, tổ chức nhiều chương trình Hội thảo giới thiệu sản phẩm mới đến bác sỹ, khách hàng, người tiêu dùng, sử dụng công cụ truyền thông, tiếp thị... nhằm giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng.

Kết quả doanh thu tăng, lợi nhuận tăng so với cùng kỳ thực hiện.

Người lập:

Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 25 tháng 7 năm 2011